



# CÔNG BÁO

*Tỉnh Quảng Trị*

Số 47

Ngày 07 tháng 10 năm 2025

## MỤC LỤC

Trang

### VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

30-9-2025	Quyết định số 1699/QĐ-UBND về việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh Quảng Bình ban hành trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai để thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (mới).	03
01-10-2025	Quyết định số 1729/QĐ-UBND công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh, Sở Xây dựng, Ban Quản lý khu kinh tế và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.	05
01-10-2025	Quyết định số 1742/QĐ-UBND công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Di sản văn hoá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Trị.	12
01-10-2025	Quyết định số 1744/QĐ-UBND công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành hoặc bị bãi bỏ trong lĩnh vực Dân số, Bà mẹ - Trẻ em thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.	15

- 01-10-2025 Quyết định số 1745/QĐ-UBND công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính tỉnh Quảng Trị. 19
- 01-10-2025 Quyết định số 1748/QĐ-UBND công bố Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. 22
- 01-10-2025 Quyết định số 1751/QĐ-UBND công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Người có công thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Trị. 25
- 01-10-2025 Quyết định số 1753/QĐ-UBND quy định giá bán lẻ nước sạch sinh hoạt do Công ty cổ phần cấp nước Quảng Bình và Công ty cổ phần Biwase Quảng Bình sản xuất, cung cấp. 29
- 03-10-2025 Quyết định số 1815/QĐ-UBND về việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh Quảng Trị (cũ) ban hành quy định chi tiết nội dung chi và mức chi của Quỹ Phòng, chống thiên tai để thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (mới). 31
- 06-10-2025 Quyết định số 1824/QĐ-UBND công bố Danh mục thủ tục hành chính được thay thế trong các lĩnh vực Khiếu nại, Tố cáo, Tiếp công dân, Xử lý đơn thư, Phòng, chống tham nhũng thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. 33

**VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH****ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Số: 1699/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Trị, ngày 30 tháng 9 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH****Về việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh Quảng Bình  
ban hành trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai  
để thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (mới)****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;**Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;**Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.**Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;**Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Công văn số 1930/SNNMT-CCTL ngày 12 tháng 9 năm 2025.***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Áp dụng Quyết định số 62/2022/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc ban hành Quy định đảm bảo yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản và khu khai thác tài nguyên thiên nhiên khác; khu đô thị; điểm du lịch, khu du lịch; khu công nghiệp; khu di tích lịch sử; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng,

chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn tỉnh Quảng Bình để thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (mới).

**Điều 2.** Đối với trách nhiệm, quyền hạn của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác phòng, chống thiên tai: Tạm thời áp dụng các quy định về trách nhiệm, quyền hạn của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai được quy định tại các Điều 11, 12 và 13 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 62/2022/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình, để thực hiện cho đến khi Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị (mới) ban hành quy định cụ thể về phân công, phân cấp trong công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hoàng Nam**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Số: 1729/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Quảng Trị, ngày 01 tháng 10 năm 2025*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh, Sở Xây dựng, Ban Quản lý khu kinh tế và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐCP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 1390/QĐ-BXD ngày 21/8/2025 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2054/TTr-SXD ngày 11/9/2025.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh, Sở Xây dựng, Ban Quản lý khu kinh tế và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

**Điều 2.** Sở Xây dựng, Ban Quản lý khu kinh tế, UBND các xã, phường, đặc khu có nhiệm vụ sau:

1. Sở Xây dựng có trách nhiệm tổ chức xây dựng, trình UBND tỉnh phê duyệt các quy trình giải quyết thủ tục hành chính/cung cấp dịch vụ công trực tuyến được công bố tại Quyết định này để thiết lập quy trình điện tử lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh. Hoàn thành trước ngày 07/10/2025.

2. UBND các xã, phường, đặc khu có trách nhiệm tổ chức niêm yết công khai và thực hiện các thủ tục hành chính này theo đúng quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Trưởng Ban Quản lý khu kinh tế, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phan Phong Phú**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND TỈNH, SỞ XÂY DỰNG, BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ VÀ UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ**  
*(Kèm theo Quyết định số 1729/QĐ-UBND ngày 01/10/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)*

Số TT	Tên /Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Văn bản QPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính
1	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập (Mã số TTHC: 1.014155)	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Trị; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Không	- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15. - Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn. - Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn. - Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn. - Thông tư số 17/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn. - Quyết định số 1216/QĐ-BXD ngày 05/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc đính chính Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông

Số TT	Tên /Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Văn bản QPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính
					thôn, Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn và Quyết định số 18/2025/QĐ-TTg ngày 28/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch đô thị và nông thôn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập.
2	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập (Mã số TTHC: 1.014156)	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định trên cơ sở quy trình xử lý nội bộ của cấp phê duyệt và không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Trị;</li> <li>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.</li> </ul>	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15.</li> <li>- Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn.</li> <li>- Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.</li> <li>- Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.</li> <li>- Quyết định số 1216/QĐ-BXD ngày 05/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc đính chính Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn, Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn và Quyết định số 18/2025/QĐ-TTg ngày</li> </ul>

Số TT	Tên /Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Văn bản QPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính
					28/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch đô thị và nông thôn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập.
3	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập (Mã số TTHC: 1.014157)	30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Trị;</li> <li>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.</li> </ul>	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15.</li> <li>- Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn.</li> <li>- Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.</li> <li>- Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.</li> <li>- Thông tư số 17/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn.</li> <li>- Quyết định số 1216/QĐ-BXD ngày 05/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc đính chính Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn, Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn và Quyết định số 18/2025/QĐ-TTg ngày 28/6/2025 của Thủ tướng</li> </ul>

Số TT	Tên /Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Văn bản QPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính
					Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch đô thị và nông thôn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập.
4	Phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập (Mã số TTHC: 1.014158)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định trên cơ sở quy trình xử lý nội bộ của cấp phê duyệt và không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.</li> <li>- Đối với quy hoạch tổng mặt bằng: 15 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Trị;</li> <li>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.</li> </ul>	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15.</li> <li>- Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn.</li> <li>- Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.</li> <li>- Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.</li> <li>- Quyết định số 1216/QĐ-BXD ngày 05/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc đính chính Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn, Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn và Quyết định số 18/2025/QĐ-TTg ngày 28/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch đô thị và nông thôn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập.</li> </ul>

Số TT	Tên /Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Văn bản QPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính
5	Cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn (Mã số TTHC: 1.014159)	Không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Trị;</li> <li>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.</li> </ul>	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13.</li> <li>- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15.</li> <li>- Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn.</li> <li>- Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.</li> </ul>

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Số: 1742/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Quảng Trị, ngày 01 tháng 10 năm 2025*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong  
lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của  
Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Trị**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định 2906/QĐ-BVHTTDL ngày 12/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 1361/TTr-SVHTTDL ngày 24/9/2025.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Trị.

**Điều 2.** Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm tổ chức xây dựng và trình UBND tỉnh phê duyệt các quy trình giải quyết thủ tục hành chính/cung cấp dịch vụ công trực tuyến được công bố tại Quyết định này để thiết lập quy trình điện tử lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh. Hoàn thành trước ngày 06/10/2025.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính

công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hoàng Xuân Tân**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH TRONG LĨNH VỰC DI SẢN VĂN HÓA**  
**THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH QUẢNG TRỊ**  
*(Kèm theo Quyết định số 1742/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)*

STT	Tên thủ tục hành chính/ Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục lấy ý kiến đối với việc sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong khu vực bảo vệ di tích, di sản thế giới (trường hợp không cấp giấy phép xây dựng)/ 1.014217.H50	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Trị	Không quy định	- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23/11/2024. - Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17/7/2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập.
2	Thủ tục lấy ý kiến đối với việc xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích, nằm ngoài vùng đệm của khu vực di sản thế giới có khả năng tác động tiêu cực đến yếu tố gốc cấu thành di tích, cảnh quan văn hóa của di tích, di sản thế giới (trường hợp không cấp giấy phép xây dựng)/ 1.014218.H50	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Trị	Không quy định	

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Số: 1744/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Quảng Trị, ngày 01 tháng 10 năm 2025*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành hoặc bị bãi bỏ trong lĩnh vực Dân số, Bà mẹ - Trẻ em thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 2922/QĐ-BYT ngày 15/09/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ lĩnh vực Dân số, Bà mẹ - Trẻ em thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 1755/TTr-SYT ngày 26/9/2025.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành hoặc bị bãi bỏ trong lĩnh vực Dân số, Bà mẹ - Trẻ em thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

**Điều 2.** Sở Y tế, các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm:

a) Sở Y tế nghiên cứu cách thức để theo dõi tình hình thực hiện giải quyết các thủ tục hành chính này tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh đảm bảo đúng quy định.

b) Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm công khai và tổ chức thực hiện các thủ tục hành chính này theo đúng quy định.

**Điều 3.** Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ dưới đây và thông báo cho các đơn vị, địa phương liên quan:

1. Khóa chức năng tiếp nhận hồ sơ của các quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính/dịch vụ công trực tuyến được công bố bãi bỏ chậm nhất sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định công bố được UBND tỉnh ký ban hành.

2. Hủy bỏ quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính/dịch vụ công trực tuyến được công bố bãi bỏ chậm nhất sau thời gian bằng thời hạn giải quyết các hồ sơ chuyển tiếp của các quy trình điện tử này. Trường hợp quá thời hạn giải quyết mà vẫn còn tồn đọng hồ sơ chuyển tiếp, thì kết thúc quy trình điện tử giải quyết các hồ sơ này; đồng thời có thông báo danh sách các hồ sơ này cho đơn vị giải quyết hồ sơ trước khi hủy bỏ quy trình.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hoàng Xuân Tân**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH HOẶC BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC DÂN SỐ,**  
**BÀ MẸ - TRẺ EM THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CÁC CƠ SỞ KHÁM BỆNH,**  
**CHỮA BỆNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ**

*(Kèm theo Quyết định số 1744/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)*

**1. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH**

STT	Tên thủ tục hành chính/ Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Cấp Giấy chứng sinh/ 1.014331.H50	<ul style="list-style-type: none"><li>- Trường hợp 1 (Cấp giấy chứng sinh đối với trường hợp trẻ được sinh ra ngoài cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng được người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh hoặc nhân viên y tế thôn, bản hoặc cô đỡ thôn, bản đỡ đẻ): 05 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</li><li>- Trường hợp 2 (Cấp giấy chứng sinh cho trường hợp trẻ sinh ra do thực hiện kỹ thuật mang thai hộ): 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</li></ul>	Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Không	<ul style="list-style-type: none"><li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.</li><li>- Nghị định số 63/2024/NĐ-CP ngày 10/6/2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện liên thông điện tử 02 nhóm thủ tục hành chính: đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất.</li><li>- Nghị định số 207/2025/NĐ-CP ngày 15/7/2025 quy định về sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo.</li></ul>

2	Cấp lại Giấy chứng sinh/ 1.014332.H50	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ hợp lệ.			- Thông tư số 22/2025/TT-BYT ngày 28/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định cấp và sử dụng Giấy chứng sinh.
---	--	---	--	--	--

## 2. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
1	1.002150.H50	Cấp giấy chứng sinh cho trường hợp trẻ được sinh ra ngoài cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng được người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh hoặc nhân viên y tế thôn, bản hoặc cô đỡ thôn, bản đỡ đẻ	<p style="text-align: center;">Thông tư số 22/2025/TT-BYT ngày 28/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định cấp và sử dụng Giấy chứng sinh</p>
2	1.003943.H50	Cấp giấy chứng sinh cho trường hợp trẻ sinh ra do thực hiện kỹ thuật mang thai hộ	
3	1.003564.H50	Cấp lại giấy chứng sinh đối với trường hợp bị nhầm lẫn khi ghi chép giấy chứng sinh	
4	1.002150.H50	Cấp lại giấy chứng sinh đối với trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Số: 1745/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Quảng Trị, ngày 01 tháng 10 năm 2025*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung  
trong lĩnh vực Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thuộc thẩm quyền  
giải quyết của Sở Tài chính tỉnh Quảng Trị**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 7/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 2857/QĐ-BTC ngày 19/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 3027/TTr-STC ngày 23/9/2025.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính.

**Điều 2.** Sở Tài chính có trách nhiệm rà soát, xây dựng, trình UBND tỉnh phê duyệt các quy trình giải quyết thủ tục hành chính/cung cấp dịch vụ công trực tuyến được công bố tại Quyết định này để thiết lập quy trình điện tử lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh. Hoàn thành trước ngày 03/10/2025.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hoàng Nam**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**  
**TRONG LĨNH VỰC ĐẦU THẦU LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ**  
**TÀI CHÍNH TỈNH QUẢNG TRỊ**  
*(Kèm theo Quyết định số 1745/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

Số TT	Tên/Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Văn bản QPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
1	Công bố dự án đầu tư kinh doanh đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do nhà đầu tư đề xuất/ Mã số TTHC: 2.002603	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tài chính báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh giao một cơ quan chuyên môn tổng hợp, xem xét hồ sơ đề xuất dự án của nhà đầu tư; - Sau khi UBND tỉnh giao cơ quan, đơn vị tổng hợp, xem xét hồ sơ đề xuất dự án của nhà đầu tư, trong thời hạn 25 ngày, cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ phối hợp với các cơ quan có liên quan xem xét sự phù hợp của hồ sơ đề xuất dự án.	Trung tâm Phụ vụ Hành chính công tỉnh Quảng Trị	Không	- Luật Đầu tư; Luật Đấu thầu. - Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu. - Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công. Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. - Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ; Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 của Chính phủ; Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06/02/2025; Nghị định số 225/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Số: 1748/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Quảng Trị, ngày 01 tháng 10 năm 2025*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực  
Bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết  
của UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 2944/QĐ-BYT ngày 16/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 1785/TTr-SYT ngày 27 tháng 9 năm 2025.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

**Điều 2.** Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ dưới đây và thông báo cho các đơn vị, địa phương liên quan:

1. Khóa chức năng tiếp nhận hồ sơ của các quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính/dịch vụ công trực tuyến được công bố bãi bỏ chậm nhất sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định công bố được UBND tỉnh ký ban hành.

2. Hủy bỏ quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính/dịch vụ công trực tuyến được công bố bãi bỏ chậm nhất sau thời gian bằng thời hạn giải quyết các hồ sơ chuyển tiếp của các quy trình điện tử này. Trường hợp quá thời hạn giải quyết mà vẫn

còn tồn đọng hồ sơ chuyên tiếp, thì kết thúc quy trình điện tử giải quyết các hồ sơ này; đồng thời có thông báo danh sách các hồ sơ này cho đơn vị giải quyết hồ sơ trước khi hủy bỏ quy trình.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hoàng Xuân Tân**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC**  
**BẢO TRỢ XÃ HỘI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND**  
**CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ**  
*(Kèm theo Quyết định số 1748/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2025*  
*của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)*

<b>TT</b>	<b>Mã TTHC</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính</b>
1	1.013821.H50	Thực hiện, điều chỉnh, tạm dừng, thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn	Nghị định số 215/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định các biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, di sản văn hóa dưới nước, di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể và chính sách đối với nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa phi vật thể.
2	1.013822.H50	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn	

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Số: 1751/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Quảng Trị, ngày 01 tháng 10 năm 2025*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực  
Người có công thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Trị**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 1025/QĐ-BNV ngày 10/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc sửa đổi các Quyết định công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Người có công thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1960/TTr-SNV ngày 24/9/2025.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Người có công thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Trị.

**Điều 2.** Sở Nội vụ có trách nhiệm rà soát, xây dựng, trình UBND tỉnh phê duyệt các quy trình giải quyết thủ tục hành chính/cung cấp dịch vụ công trực tuyến được công bố tại Quyết định này để thiết lập quy trình điện tử lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh. Hoàn thành trước ngày 05/10/2025.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Đức Tiến**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC**  
**NGƯỜI CÓ CÔNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NỘI VỤ TỈNH QUẢNG TRỊ**  
*(Kèm theo Quyết định số 1751/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)*

TT	Tên/Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Văn bản QPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
1	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý. Mã số TTHC: 1.010812	12 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Trị	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.</li> <li>- Nghị định số 128/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong quản lý nhà nước lĩnh vực Nội vụ.</li> <li>- Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.</li> </ul>
2	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chi-a. Mã số TTHC: 1.004964	20 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Trị	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg ngày 14/10/2013 về trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào và Căm-pu-chi-a.</li> <li>- Quyết định số 62/2015/QĐ-TTg ngày 04/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg ngày 14/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào và Căm-pu-chi-a.</li> <li>- Thông tư liên tịch số 17/2014/TTLT-BLĐT BXH-BTC</li> </ul>

TT	Tên/Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Văn bản QPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
					<p>ngày 01/8/2014 của liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào và Cam-pu-chi-a theo Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg ngày 14/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 08/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch có quy định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy hoặc giấy tờ có yêu cầu xác nhận nơi cư trú khi thực hiện thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</p> <p>- Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.</p> <p>- Thông tư số 09/2025/TT-BNV ngày 18/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về phân định thẩm quyền và phân cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực Nội vụ.</p>

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1753/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 01 tháng 10 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định giá bán lẻ nước sạch sinh hoạt do Công ty cổ phần cấp nước  
Quảng Bình và Công ty cổ phần Biwase Quảng Bình sản xuất, cung cấp**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25/6/2025;*

*Căn cứ Luật Giá ngày 19/6/2023;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;*

*Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá;*

*Căn cứ Công văn số 1250/TB-BTC ngày 27/12/2024 của Bộ Tài chính về khung giá nước sạch;*

*Căn cứ Quyết định số 664/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 của UBND tỉnh về việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh Quảng Bình (cũ) ban hành trong lĩnh vực phân công, phân cấp quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (mới);*

*Căn cứ Thông báo số 2711/TB-VP ngày 29/9/2025 của Văn phòng UBND tỉnh về ý kiến kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp ngày 29/9/2025;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2019/TTr-SXD ngày 11/9/2025.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định giá bán lẻ nước sạch sinh hoạt do Công ty cổ phần cấp nước Quảng Bình và Công ty cổ phần Biwase Quảng Bình sản xuất, cung cấp, cụ thể như sau:

STT	Nhóm khách hàng sử dụng nước sạch cho mục đích sinh hoạt	Lượng nước sạch sử dụng/tháng	Giá bán lẻ nước sạch sinh hoạt (đồng/m <sup>3</sup> )
Nhóm 1	Hộ dân cư	Mức đến 10m <sup>3</sup> /đồng hồ/tháng	8.780
		Từ trên 10m <sup>3</sup> - 20 m <sup>3</sup> /đồng hồ/tháng	10.980
		Từ trên 20m <sup>3</sup> - 30 m <sup>3</sup> /đồng hồ/tháng	12.630
		Trên 30m <sup>3</sup> /đồng hồ/tháng	13.180
Nhóm 2	Cơ quan hành chính; đơn vị sự nghiệp công lập; trường học, bệnh viện, cơ sở khám, chữa bệnh (công lập và tư nhân); phục vụ mục đích công cộng (phi lợi nhuận)	Theo thực tế sử dụng	13.180
Nhóm 3	Tổ chức, cá nhân sản xuất vật chất	Theo thực tế sử dụng	16.470
Nhóm 4	Tổ chức, cá nhân kinh doanh, dịch vụ	Theo thực tế sử dụng	19.220
<i>Giá bán lẻ nước sạch sinh hoạt nói trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng; chưa bao gồm phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt.</i>			

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và bãi bỏ Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 03/6/2021 của UBND tỉnh Quảng Bình (cũ) quy định giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Bình (cũ).

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Công ty cổ phần cấp nước Quảng Bình; Giám đốc Công ty cổ phần Biwase Quảng Bình; Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phan Phong Phú**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Số: 1815/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Quảng Trị, ngày 03 tháng 10 năm 2025*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh Quảng Trị (cũ) ban hành quy định chi tiết nội dung chi và mức chi của Quỹ Phòng, chống thiên tai để thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (mới)**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại văn bản số 2307/SNNMT-CCTL ngày 24 tháng 9 năm 2025.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Áp dụng Quyết định số 05/2023/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2023 ban hành Quy định chi tiết nội dung chi và mức chi của Quỹ Phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Trị do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị (cũ) ban hành, để thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (mới).

**Điều 2.** Quyết định số 03/2024/QĐ-UBND ngày 04/3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình ban hành quy định nội dung chi và mức chi Quỹ phòng, chống

thiên tại tỉnh Quảng Bình hết hiệu lực thi hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hoàng Nam**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1824/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 06 tháng 10 năm 2025

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính được thay thế trong các lĩnh vực  
Khiếu nại, Tố cáo, Tiếp công dân, Xử lý đơn thư, Phòng, chống tham nhũng  
thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 700/QĐ-TTCP ngày 09/10/2019 của Thanh tra Chính phủ Công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực giải quyết tố cáo thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ;*

*Căn cứ Quyết định số 70/QĐ-TTCP ngày 08/3/2021 của Thanh tra Chính phủ Công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực phòng chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ;*

*Căn cứ Quyết định số 424/QĐ-TTCP ngày 29/7/2021 của Thanh tra Chính phủ Công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực giải quyết khiếu nại thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ;*

*Căn cứ Quyết định số 193/QĐ-TTCP ngày 20/5/2022 của Thanh tra Chính phủ Công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực tiếp công dân thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ;*

*Căn cứ Quyết định số 194/QĐ-TTCP ngày 20/5/2022 của Thanh tra Chính phủ Công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực xử lý đơn thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ;*

*Theo đề nghị của Chánh Thanh tra tỉnh tại Tờ trình số 747/TTr-TTr ngày 29/8/2025.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được thay thế trong các lĩnh vực Khiếu nại, Tố cáo, Tiếp công dân, Xử lý đơn thư, Phòng, chống tham nhũng thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

**Điều 2.** Thanh tra tỉnh, các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các xã, phường, đặc khu thực hiện việc công khai và tổ chức thực hiện các thủ tục hành chính theo đúng quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chánh Thanh tra tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hoàng Nam**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THẾ TRONG CÁC LĨNH VỰC**  
**KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, TIẾP CÔNG DÂN, XỬ LÝ ĐƠN THU, PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG THUỘC THẨM**  
**QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP TỈNH, CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ**  
*(Kèm theo Quyết định số 1824/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)*

STT	Tên/Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Khiếu nại</b>				
1	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp tỉnh Mã số TTHC: 2.002407	Không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết	UBND tỉnh, Thanh tra tỉnh; Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh; các phòng, ban chuyên môn, đơn vị thuộc Sở và cấp tương đương	Không	- Luật Khiếu nại năm 2011; - Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại.
2	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp tỉnh Mã số TTHC: 2.002411	Thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai	UBND tỉnh, Thanh tra tỉnh; Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh; các phòng, ban chuyên môn, đơn vị thuộc Sở và cấp tương đương	Không	- Luật Khiếu nại năm 2011; - Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại

STT	Tên/Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn nhưng không quá 70 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.			
3	Thủ tục giải quyết khiếu nại tại cấp xã Mã số TTHC: 2.002409	Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.	UBND cấp xã	Không	- Luật Khiếu nại năm 2011; - Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại.
<b>II Lĩnh vực Tố cáo</b>					
1	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp tỉnh Mã số TTHC: 2.002394	Thời hạn giải quyết tố cáo là 60 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết là 90 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo. Trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo có thể gia hạn giải quyết một lần nhưng không quá 30 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì không quá 60 ngày.	Thanh tra tỉnh Thanh tra các sở, ban, ngành chuyên môn thuộc UBND tỉnh	Không	- Luật Tố cáo năm 2011; - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 3/10/2012 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Tố cáo; - Thông tư 06/2013/TT-TTCP ngày 30/9/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết tố cáo.

STT	Tên/Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
2	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp xã Mã số TTHC: 2.002396	Thời hạn giải quyết tố cáo là 60 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết là 90 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo. Trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo có thể gia hạn giải quyết một lần nhưng không quá 30 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì không quá 60 ngày.	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Luật Tố cáo năm 2011; - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tố cáo; - Thông tư số 06/2013/TT-TTCP ngày 30/9/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết tố cáo.
<b>III Lĩnh vực Tiếp công dân</b>					
1	Thủ tục tiếp công dân tại cấp tỉnh	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	Ban tiếp công dân tỉnh; Bộ phận tiếp công dân của Thanh tra tỉnh và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh	Không	- Luật Tiếp công dân năm 2013; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp công dân; - Thông tư số 04/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình tiếp công dân.
2	Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	UBND cấp xã	Không	- Luật Tiếp công dân năm 2013; - Nghị định số

STT	Tên/Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	Mã số TTHC: Mã số TTHC: 1.010945				64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp công dân; - Thông tư số 04/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình tiếp công dân.
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực Xử lý đơn thư</b>				
1	Thủ tục xử lý đơn tại cấp tỉnh Mã số TTHC: 2.002499	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	Ban tiếp công dân tỉnh; Bộ phận xử lý đơn thuộc Thanh tra tỉnh và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh	Không	- Luật Khiếu nại năm 2011; - Luật Tố cáo năm 2011; - Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo; - Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại; - Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra

STT	Tên/Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh.
2	Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã Mã số TTHC: 2.002501	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	UBND cấp xã	Không	- Luật Khiếu nại năm 2011; - Luật Tố cáo năm 2011; - Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo; - Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại; - Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh.
<b>V</b>	<b>Lĩnh vực Phòng, chống tham nhũng</b>				

STT	Tên/Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập Mã số TTHC: Mã số TTHC: 2.002400	<p>1. Thời điểm hoàn thành kê khai lần đầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người đang giữ vị trí công tác quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 34 của Luật PCTN phải hoàn thành việc kê khai trước ngày 31/3/2021.</li> <li>- Người lần đầu giữ vị trí công tác quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 34 Luật PCTN phải hoàn thành việc kê khai chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày được tiếp nhận, tuyển dụng, bổ trí vào vị trí công tác.</li> </ul> <p>2. Thời điểm hoàn thành việc kê khai bổ sung: Khi người có nghĩa vụ kê khai có biến động về tài sản, thu nhập trong năm có giá trị từ 300.000.000 đồng trở lên. Việc kê khai phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 của năm có biến động về tài sản, thu nhập.</p> <p>3. Thời điểm hoàn thành việc kê khai hàng năm : Người giữ chức vụ từ Giám đốc sở và tương đương trở lên; người làm công tác tổ chức cán bộ, quản lý tài chính công, tài sản công, đầu tư công hoặc trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác theo quy định của Chính</p>	Cơ quan nhà nước các cấp các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc CQHC nhà nước; các doanh nghiệp nhà nước phải thực hiện tổ chức triển khai việc kê khai tài sản, thu nhập	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Phòng chống tham nhũng ngày 20/11/2018;</li> <li>- Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.</li> </ul>

STT	Tên/Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<p>phủ phải hoàn thành việc kê khai trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.</p> <p>4. Thời điểm hoàn thành việc kê khai phục vụ công tác cán bộ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người có nghĩa vụ kê khai quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 34 của Luật PCTN 2018 khi dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác phải hoàn thành kê khai chậm nhất là 10 ngày trước ngày dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác;</li> <li>- Người có nghĩa vụ kê khai quy định tại khoản 4 Điều 34 của Luật PCTN 2018 việc kê khai được thực hiện theo quy định của pháp luật về bầu cử.</li> </ul>			
2	<p>Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập</p> <p>Mã số TTHC: 2.002401</p>	<p>Không quá 115 ngày (trong đó thời hạn xác minh là 45 ngày, trường hợp phức tạp thì thời gian có thể kéo dài nhưng không quá 90 ngày; Thời hạn ban hành kết luận là 10 ngày, trường hợp phức tạp thì có thể kéo dài nhưng không quá 20 ngày; Thời hạn công khai kết luận là 5 ngày làm việc).</p>	<p>Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập</p>	<p>Không</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Phòng chống tham nhũng ngày 20/11/2018;</li> <li>- Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.</li> </ul>

STT	Tên/Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
3	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình Mã số TTHC: 2.002402	Thời hạn ra thông báo tiếp nhận hoặc từ chối giải trình là 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận yêu cầu giải trình	Cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực nhà nước	Không	- Luật Phòng chống tham nhũng ngày 20/11/2018; - Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.
4	Thủ tục thực hiện việc giải trình Mã số TTHC: 2.002403	Thời hạn thực hiện việc giải trình không quá 15 ngày kể từ ngày ra thông báo tiếp nhận yêu cầu giải trình. Trường hợp có nội dung phức tạp thì có thể gia hạn 01 lần, thời gian gia hạn không quá 15 ngày và phải thông báo bằng văn bản đến người yêu cầu giải trình.	Cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực nhà nước	Không	- Luật Phòng chống tham nhũng ngày 20/11/2018; - Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

---

VĂN PHÒNG UBND TỈNH QUẢNG TRỊ XUẤT BẢN

Địa chỉ: 06 Hùng Vương - Đồng Hới - Quảng Trị;

Điện thoại: 0233. 6296565;

Email: [congbao@quangtri.gov.vn](mailto:congbao@quangtri.gov.vn);

Website: <https://congbao.quangtri.gov.vn>;